

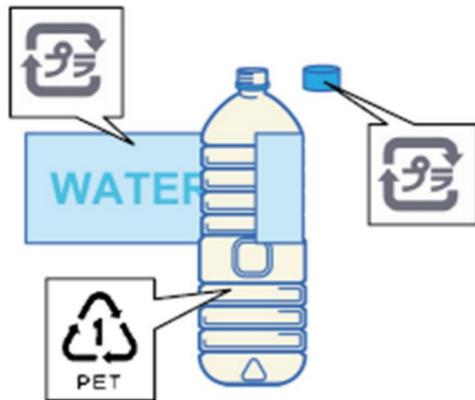
Lịch Đổ Rác 2026

Người Việt Nam
Haraka

Yêu cầu các hộ dân phân loại và vứt rác theo quy định dưới đây.

	Rác đốt		缶類 Lon		びん類 Chai thủy tinh		有害ごみ Rác độc hại
	金属類 Kim loại		ペットボトル Chai nhựa		ガラス類 Kính		粗大ごみ Rác cỡ lớn
	新聞紙 Báo		布類 Vải		段ボール Bìa các tông		破砕不適物 Rác không thích hợp để nghiền nát

- Vứt rác bằng túi rác được chỉ định.
- Vứt rác trước 8 giờ sáng.
- Vứt đúng loại rác vào ngày được chỉ định.
- Tháo bỏ nắp và nhãn chai nhựa trước khi vứt.



Túi rác được chỉ định (lớn)

Khung trên: Số phòng
Khung dưới: Tên
Yêu cầu điền đầy đủ thông tin vào khung.



Túi rác được chỉ định (nhỏ)

Phương pháp phân loại chai nhựa: Yêu cầu các hộ dân điền đầy đủ số phòng và tên vào túi rác.



【4月】 (tháng tư)

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
			ペットボトル		ガラス類	
5	6	7	8	9	10	11
			びん類	新聞紙 布類		
12	13	14	15	16	17	18
			缶類	ペットボトル		
19	20	21	22	23	24	25
			びん類 金属類	その他紙類 段ボール 紙パック		
26	27	28	29	30		
			缶類			

【5月】 (tháng năm)

日	月	火	水	木	金	土
					1	2
					ガラス類	
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
			びん類 有害ごみ ペットボトル	新聞紙 布類		
17	18	19	20	21	22	23
			缶類	ペットボトル		
24	25	26	27	28	29	30
			びん類 金属類	その他紙類 段ボール 紙パック		
31			粗大ごみ 破砕不適物			

【6月】 (tháng sáu)

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
					ガラス類	
7	8	9	10	11	12	13
			びん類	新聞紙 布類		
14	15	16	17	18	19	20
			缶類	ペットボトル		
21	22	23	24	25	26	27
			びん類 金属類	その他紙類 段ボール 紙パック		
28	29	30				

【7月】 (tháng bảy)

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
			有害ごみ ペットボトル		ガラス類	
5	6	7	8	9	10	11
			びん類	新聞紙 布類		
12	13	14	15	16	17	18
			缶類	ペットボトル		
19	20	21	22	23	24	25
			びん類 金属類	その他紙類 段ボール 紙パック		
26	27	28	29	30	31	
			缶類 粗大ごみ 破砕不適物			

【8月】 (tháng tám)

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
			ペットボトル		ガラス類	
9	10	11	12	13	14	15
			びん類	新聞紙 布類		
16	17	18	19	20	21	22
			缶類	ペットボトル		
23	24	25	26	27	28	29
			びん類 金属類	その他紙類 段ボール 紙パック		
30	31					

【9月】 (tháng chín)

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
				有害ごみ ペットボトル		ガラス類
6	7	8	9	10	11	12
			びん類	新聞紙 布類		
13	14	15	16	17	18	19
			缶類	ペットボトル		
20	21	22	23	24	25	26
				その他紙類 段ボール 紙パック		
27	28	29	30			
			缶類 粗大ごみ 破砕不適物	びん類 金属類		

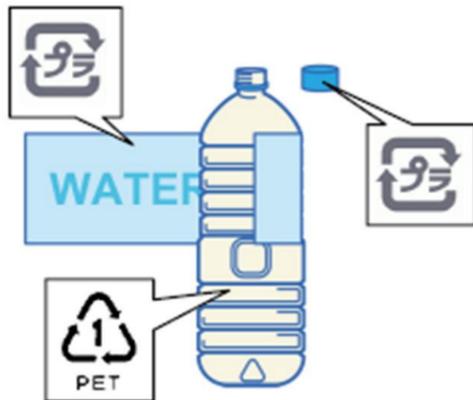
Lịch Đổ Rác 2026

Người việt nam
Haraka

Yêu cầu các hộ dân phân loại và vớt rác theo qui định dưới đây.

	Rác đốt		缶類 Lon		びん類 Chai thủy tinh		有害ごみ Rác độc hại
	金属類 Kim loại		ペットボトル Chai nhựa		ガラス類 Kính		粗大ごみ Rác cỡ lớn
	新聞紙 Báo		布類 Vải		段ボール Bìa các tông		破砕不適物 Rác không thích hợp để nghiền nát

- Vớt rác bằng túi rác được chỉ định.
- Vớt rác trước 8 giờ sáng.
- Vớt đúng loại rác vào ngày được chỉ định.
- Tháo bỏ nắp và nhãn chai nhựa trước khi vớt.



Túi rác được chỉ định (lớn)

Khung trên: Số phòng
Khung dưới: Tên
Yêu cầu điền đầy đủ thông tin vào khung.



Túi rác được chỉ định (nhỏ)

Phương pháp phân loại chai nhựa: Yêu cầu các hộ dân điền đầy đủ số phòng và tên vào túi rác.



【10月】 (tháng mười)

日	月	火	水	木	金	土
				1	2	3
					ガラス類	
4	5	6	7	8	9	10
			ペットボトル	新聞紙 布類		
11	12	13	14	15	16	17
	缶類		びん類			
18	19	20	21	22	23	24
			ペットボトル	その他紙類 段ボール 紙パック		
25	26	27	28	29	30	31
	缶類		びん類 金属類			

【11月】 (tháng mười một)

日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
			有害ごみ ペットボトル		ガラス類	
8	9	10	11	12	13	14
	缶類		びん類	新聞紙 布類		
15	16	17	18	19	20	21
			ペットボトル			
22	23	24	25	26	27	28
	缶類		びん類 金属類	その他紙類 段ボール 紙パック		
29	30					
	粗大ごみ 破砕不適物					

【12月】 (tháng mười hai)

日	月	火	水	木	金	土
		1	2	3	4	5
			ペットボトル		ガラス類	
6	7	8	9	10	11	12
			びん類	新聞紙 布類		
13	14	15	16	17	18	19
	缶類		ペットボトル			
20	21	22	23	24	25	26
			びん類 金属類	その他紙類 段ボール 紙パック		
27	28	29	30	31		
	缶類					

2027年 **【1月】 (tháng một)**

日	月	火	水	木	金	土
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
			有害ごみ ペットボトル		ガラス類	
10	11	12	13	14	15	16
	缶類		びん類	新聞紙 布類		
17	18	19	20	21	22	23
			ペットボトル			
24	25	26	27	28	29	30
	缶類		びん類 金属類	その他紙類 段ボール 紙パック		
31						
	粗大ごみ 破砕不適物					

2027年 **【2月】 (tháng một)**

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
			ペットボトル		ガラス類	
7	8	9	10	11	12	13
	缶類		びん類	新聞紙 布類		
14	15	16	17	18	19	20
			ペットボトル			
21	22	23	24	25	26	27
	缶類		びん類 金属類	その他紙類 段ボール 紙パック		
28						

2027年 **【3月】 (tháng ba)**

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
			有害ごみ ペットボトル		ガラス類	
7	8	9	10	11	12	13
	缶類		びん類	新聞紙 布類		
14	15	16	17	18	19	20
			ペットボトル			
21	22	23	24	25	26	27
	缶類		びん類 金属類	その他紙類 段ボール 紙パック		
28	29	30	31			
	粗大ごみ 破砕不適物					